

2.2.3. Về thái độ

- Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức học tập nâng cao kiến thức về IT và sử dụng IT trong công việc, cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu được các khái niệm liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0
CLO2	Hiểu ý nghĩa và cách sử dụng của phương tiện kỹ thuật đa phương tiện trong dạy học và cuộc sống
CLO3	Hiểu được các khái niệm liên quan tới mạng máy tính và internet. Biết cách khai thác thông tin trên internet phục vụ công việc
CLO4	Vận dụng các phương tiện kỹ thuật và phần mềm ứng dụng trong việc dạy học
CLO5	Có ý thức tự học, tự nhiên cứu và ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I			R	M	M	M			
CLO 2		M	M	M	M		M	M	M	
CLO 3		M	R	M	R	R	R	R	R	
CLO 4		M	M	M	M	R	M	R	M	
CLO 5									M	M
Tổng hợp học phần	I	M	M	M	M	R	M	R	M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%			X	CLO5	Theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	15%	A2.1: Nền công nghiệp 4.0	30%		CLO1 CLO5	Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm
		A2.2: Hiểu biết về các phương tiện kỹ thuật dạy học	40%		CLO2 CLO5	
		A2.3: Hiểu biết về mạng máy tính và biết cách khai thác thông tin từ internet	30%		CLO3 CLO5	
A3. Thực hành (hoặc dự án)	25%	- Sử dụng PTKT đa phương tiện - Tìm kiếm thông tin trên internet - Tạo bản trình diễn		X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Theo Rubric 2
A4. Đánh giá cuối kỳ	55%	Bài ktra cuối kỳ: Thực hành		X	CLO1 CLO2	Chấm theo đáp án Rubric 2 (thực hành)

					CLO3	
					CLO4	
					CLO5	

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/TH/ BT/TL)	CDR của bài học (chương)/chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin 1.1. Một số khái niệm 1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin	4 4/0/0/0	1.1. Hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghiệp 4.0 1.2. Hiểu các ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến	CLO1	- Thuyết trình, đàm thoại gợi mở - Bài giảng của giảng viên - Sử dụng máy tính và projector	- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.1
2	1.3. Nền công nghiệp 4.0	4 4/0/0/0				- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	

3	Chương 2. Phương tiện kỹ thuật dạy học 2.1. Đại cương về phương tiện kỹ thuật dạy học 2.2. Nguyên tắc sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học 2.3. Các phương tiện kỹ thuật dạy học thông dụng 2.4. Một số ứng dụng trên máy tính	4 4/0/0/0	2.1. Biết sử dụng một số phương tiện kỹ thuật dạy học	CLO2	- Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn - Bài giảng của giảng viên - Sử dụng máy tính và projector	- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.1
4	Thực hành Chương 2	5 0/5/0/0			- Thực hành tại phòng máy	- Thực hành sử dụng các phương tiện dạy học	A2.1
5	Thực hành Chương 2	5 0/5/0/0				- Thực hành sử dụng các phương tiện dạy học	A2.1
6	Chương 3. Mạng máy tính và khai thác thông tin trên Internet 3.1. Mạng máy tính 3.2. Mạng Internet 3.3. Khai thác thông tin trên Internet	4 4/0/0/0	3.1. Vận dụng được các cách thức khai thác thông tin trên mạng 3.2. Sử dụng được các công cụ tìm kiếm	CLO3	- Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn, bài tập - Bài giảng của giảng viên - Sử dụng máy tính và projector	- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.2 A3
7	Thực hành Chương 3	5 0/5/0/0				- Thực hành khai thác thông tin trên Internet	A2.2 A3

8	Thực hành Chương 3	5 0/5/0/0				- Thực hành khai thác thông tin trên Internet	A2.2 A3
9	Chương 4. Phần mềm trình diễn thông tin 4.1. Giới thiệu các phần mềm trình diễn thông tin	4 4/0/0/0	4.1. Sử dụng được các phần mềm thuyết trình	CLO4	- Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn, bài tập - Bài giảng của giảng viên - Sử dụng máy tính và projector	- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.3 A3
10	4.2. Sử dụng phần mềm trong thiết kế trình diễn	4 4/0/0/0				- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.3 A3
11	4.2. Sử dụng phần mềm trong thiết kế trình diễn (tiếp)	3 3/0/0/0				- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.3 A3
12	4.2. Sử dụng phần mềm trong thiết kế trình diễn (tiếp)	3 3/0/0/0				- Nghe giảng, ghi chép - Trả lời câu hỏi	A2.3 A3
13	Thực hành Chương 4	5 0/5/0/0				- Thực hành về phần mềm thuyết trình	A2.3 A3
14	Thực hành Chương 4	5 0/5/0/0				- Thực hành về phần mềm thuyết trình	A2.3 A3
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/BT/TL): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập, ...).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Hàn Viết Thuận	2012	Giáo trình Tin học ứng dụng	NXB KTQD
2	Đào Thái Lai et al.	2006	Phương tiện kĩ thuật dạy học và Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	NXB Giáo dục
3	Đào Kiến Quốc	2006	Giáo trình Tin học cơ sở	NXB ĐHQGHN
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Hồ Sĩ Đàm	2000	Giáo trình Tin học	NXB ĐHQG
5	Nguyễn Đức Minh	2005	Tự học thực hành bước Powerpoint và các bài tập ứng dụng	NXB Thống kê
6	Nguyễn Sơn Hải	2005	Giáo trình xử lý văn bản	NXB Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, Phòng máy thực hành	Projector, máy tính cá nhân	1	Chương 1 đến chương 4

9. Rubric đánh giá

Theo Phụ lục 1

Quảng Bình, ngày tháng 5 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Phạm Xuân Hậu

TS. Trần Văn Cường

TS. Hoàng Văn Thành

Ghi chú:

Đề cương chi tiết học phần trình bày kiểu chữ thống nhất Times New Roman, cỡ chữ văn bản 13, cỡ chữ trong các bảng 12 bằng hệ soạn thảo WinWord; mật độ chữ bình thường khoảng cách dòng 1.3 lines; lề trên và dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 - 3,5 cm , lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên mỗi trang giấy. Thụt đầu dòng 1,25 cm hàng chữ đầu tiên của mỗi đoạn văn, văn bản căn lề hai bên.